

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 21 tháng 12 năm 2022 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 96/2022/TLST-DS ngày 03 tháng 11 năm 2022.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP C

Địa chỉ: 108 T, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Bình M – Chức vụ: Chủ tịch HĐQT.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Doãn T – Chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng TMCP C, chi nhánh Bắc Nghệ An.

Địa chỉ: Khối B, thị trấn C, huyện L, tỉnh Nghệ An.

- Bị đơn: Anh Đào Văn D, sinh năm 1984.

Chị Trần Thị H, sinh năm 1985.

Cùng trú tại: Xóm D, xã S, huyện L, tỉnh Nghệ An.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Trần Văn M, sinh năm 1965.

2. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1965.

3. Anh Trần Văn B, sinh năm 1989.

4. Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1990.

Cùng trú tại: Xóm C, xã S, huyện L, tỉnh Nghệ An.

5. Bà Trần Thị T, sinh năm 1962.

Nơi cư trú: Xóm E, xã S, huyện L, tỉnh Nghệ An.

6. Chị Trần Thị T2, sinh năm 1978

Nơi cư trú: Xóm D, xã S, huyện L, tỉnh Nghệ An.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về nghĩa vụ trả nợ: Anh Đào Văn D và chị Trần Thị H chịu trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP C tính đến ngày 20/12/2022 là 3.694.220.675đ (Ba tỷ sáu trăm chín mươi tư triệu hai trăm hai mươi nghìn sáu trăm bảy mươi lăm đồng), trong đó dư nợ gốc là 3.564.671.600đ (Ba tỷ năm trăm sáu mươi tư triệu sáu trăm bảy mươi một nghìn sáu trăm đồng), nợ lãi tính đến ngày 20/12/2022 là 117.325.891đ (Một trăm mười bảy triệu ba trăm hai mươi lăm nghìn tám trăm chín mươi một đồng), lãi phạt cộng dồn tính đến ngày 20/12/2022 là 12.224.184đ (Mười hai triệu hai trăm hai mươi tư nghìn một trăm tám mươi tư đồng) theo Hợp đồng tín dụng số 16560030/2016-HĐTD/NHCT444 ngày 25/11/2016.

2.2. Trường hợp anh Đào Văn D và chị Trần Thị H không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng TMCP C có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An kê biên, phát mãi tài sản thế chấp để đảm bảo thu hồi nợ gồm:

Tàu cá vỏ gỗ đóng mới theo Nghị định 67 mang tên ông Đào Văn D, số đăng ký NA - 99990 - TS, ký hiệu thiết kế NgA - 004 - TS, năm đóng 2016, ký hiệu máy chính Weichai, số máy DH170C0610, công suất sức ngựa 818 đặc điểm kỹ thuật: chiều dài $L_{max,m}$: 24,45, $L_{tk,m}$: 19,59, chiều rộng: $B_{max,m}$: 7,10; $B_{tk,m}$: 6,69; chiều cao mạn D_m : 3,30, chiều chìm d_m : 2,09; mạn khô f_m : 1,21; tốc dung tích 160; sức chở tối đa 53 tấn (được Chi cục thủy sản Nghệ An cấp Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số 99990/2016 ngày 19/12/2016), theo Hợp đồng thế chấp tàu cá số: 16560030.5/2016-HĐTC/NHCT444 ngày 24/11/2016.

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với thửa đất số 1114.2, tờ bản đồ 113-70, diện tích 102m² tại xóm B, xã S, huyện L, tỉnh Nghệ An được UBND huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 152573 ngày 11/01/2008 cho anh Đào Văn D, chị Trần Thị H theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 18480120/2018/HĐBĐ/NHCT444 ngày 19/9/2018.

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với thửa đất số 863, tờ bản đồ số 113-70, diện tích 138m² tại xóm B, xã S, huyện L, tỉnh Nghệ An được UBND huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 782403 ngày 10/01/1997 cho Trần M (Trần Văn M) theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 16560030.1/HĐTC ngày 22/11/2016.

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với thửa đất số 1074, tờ bản đồ số 113-71, diện tích 184m² tại xóm C, xã Sơn H, huyện L, tỉnh Nghệ An được UBND huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 549795 ngày 14/12/2015 cho bà Trần Thị T theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 16560030.4/HĐTC ngày 22/11/2016.

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với thửa đất số 1093, tờ bản đồ số 113-70, diện tích 83m² tại xóm B, xã S, huyện L, tỉnh Nghệ An được UBND huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 793907 ngày 22/11/2012 cho ông Trần Văn B, bà Nguyễn Thị N theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 16560030.3/HĐTC ngày 22/11/2016.

2.3. Về án phí: Anh Đào Văn D và chị Trần Thị H thỏa thuận chịu cả 52.942.000đ (Năm mươi hai triệu chín trăm bốn mươi hai nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP C số tiền tạm ứng án phí 56.067.000đ (Năm mươi sáu triệu không trăm sáu mươi bảy nghìn đồng) mà Ngân hàng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0012617 ngày 02/11/2022.

2.4. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam thỏa thuận chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.

3. Kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành (ngày 21/12/2022), anh Đào Văn D và chị Trần Thị H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi suất số tiền chưa thanh toán cho đến khi hoàn tất nghĩa vụ trả nợ hoặc thi hành án xong theo các điều khoản đã ký trong hợp đồng tín dụng số 16560030/2016-HĐTD/NHCT444 ngày 25/11/2016.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND h. Quỳnh Lưu;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- CCTHADS h Quỳnh Lưu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Thị Nghệ

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 38-DS:

(1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: Số: 02/2017/QĐST-KDTM).

(3) Ghi số ký hiệu và ngày, tháng, năm thụ lý vụ án (ví dụ: Số 50/2017/TLST-KDTM).

(4) Ghi họ tên, tư cách đương sự trong vụ án, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc của các đương sự theo thứ tự như hướng dẫn cách ghi trong mẫu bản án sơ thẩm.

(5) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản hoà giải thành (kể cả án phí).

